TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2022
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Nhung
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Sỹ Cường
2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐST-HPT ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2022/QĐST ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1968. *Có mặt*

Địa chỉ cư trú: Khối 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T – sinh năm 1963. *Có mặt*

Địa chỉ cư trú: Khối 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tất T kết hôn với nhau vào năm 1990 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên hiện nay các bên không còn lưu giữ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do bị thất lạc. Chị đã liên hệ với chính quyền địa phương xã B để xin trích lục giấy chứng nhận

kết hôn, nhưng qua kiểm tra hồ sơ sổ sách đăng ký thì không có thông tin của chị và anh T. Quá trình chung sống tình cảm B thường cho đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn ngày một căng thẳng, trầm trọng. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến xích mích. Hiện tại hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ chung sống với nhau nữa. Do chị và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có hai con chung Nguyễn Tất B, sinh ngày 27/9/1991 và Nguyễn Tất S, sinh ngày 30/10/1996. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tất T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như chị T trình bày, giữa anh và chị T trước đây có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban xã B, huyện Y, Nghệ An nhưng giấy chứng nhận kết hôn không còn lưu. Hiện nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thật sự căng thẳng, không có tiếng nói chung, do đó anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Các con hiện đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về nội dung:

Xét hôn nhân giữa chị T và anh T mặc dù có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, các bên thừa nhận có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào năm 1990, tuy nhiên qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã B và Uỷ ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An trong thời gian từ năm 1990 đến nay thì không có hồ sơ đăng ký kết hôn giữa chị T và anh T, do đó hôn nhân giữa chị T và anh T không được xem là hợp pháp. Sau ngày cưới hai bên chung sống tình cảm được một thời gian khá dài thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng, trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ, tình cảm gì với nhau nữa. Do hai bên không có đăng ký kết hôn nên cần áp dụng khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; khoản 1 điều 9 và

khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T.

Về con chung: Con chung hiện nay đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động chị T, anh T không yêu cầu nên miễn xét.

Về tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 7 điều 28; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Tất T.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011309 ngày 11/5/2022. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T, anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hồ Sỹ Cường	**Phan Thị Nga**	**Lê Thị Nhung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi:

- VKS H. Y
- Các đương sự
- THA DS H. Y
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Lê Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Bá Tấn	**Nguyễn Văn Dũng**	**Lê Thị Nhung**